

THÔNG BÁO

Về việc rà soát thông tin thành tích trong thực hiện nhiệm vụ để xem xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/11/2021 của Trường Đại học Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động, Nhà trường thông báo đến toàn thể viên chức và người lao động điều kiện, tiêu chuẩn xét nâng bậc lương trước thời hạn như sau:

1. Điều kiện áp dụng để xem xét nâng bậc lương trước thời hạn:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

b) Lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản.

c) Chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh và tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên.

d) Không thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn hai lần liên tiếp do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

đ) Trường hợp đã được chuyển xếp chức danh giảng viên cao cấp, giảng viên chính, chuyên viên chính hoặc tương đương, với hệ số lương sau khi chuyển xếp lớn hơn một bậc so với hệ số lương trước khi chuyển và các trường hợp được bổ nhiệm vào ngạch, thì phải có thời gian giữ bậc lương của chức danh được bổ nhiệm từ 36 tháng trở lên mới được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn khi đạt đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận; thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 4 năm gần nhất đối với các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành tích được xét theo thứ tự ưu tiên từ cấp độ thành tích cao nhất tính từ trên xuống, cụ thể như sau:

- Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại.
- Danh hiệu Nhà nước: Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại.
- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng.

- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ.
- Bằng khen cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024.
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.
- Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.
- Bảo vệ luận án tiến sĩ đúng hạn.
- Người đạt thành tích đặc biệt khác.

Phòng Tổ chức cán bộ đã phối hợp với phòng Công tác chính trị và Sinh viên, phòng Khoa học công nghệ, Công đoàn Trường và Đoàn Thanh niên, tổng hợp danh sách viên chức và người lao động có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024 (Có danh sách kèm theo).

Để thông tin thành tích của viên chức và người lao động được đảm bảo chính xác, đầy đủ, đề nghị Lãnh đạo các đơn vị phổ biến danh sách thuộc đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024 đến toàn thể viên chức trong đơn vị được biết. Trường hợp cá nhân, đơn vị có ý kiến bổ sung thông tin thành tích, đề nghị phản hồi bằng văn bản (kèm minh chứng) gửi về Thường trực Hội đồng lương (qua phòng Tổ chức cán bộ, ĐT: 024.38347675, email: tccb@utc.edu.vn) **trước ngày 01/12/2024.**

***Ghi chú:**

Danh sách rà soát thông tin thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ để xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024 có thể xem tại mục Thông báo trên Trang thông tin điện tử của Trường.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị trong toàn Trường;
- Hội đồng lương;
- Lưu HCTH, TCCB.



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN THÀNH TÍCH TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
ĐỂ XEM XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 1018 /TB-ĐHGTVT, ngày 20 tháng 11 năm 2024)

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức nâng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTĐ toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTĐ cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
1	1537	Phòng Đào tạo đại học	Vũ Quỳnh	Giang	15/01/1987	01.003	3.00	01/12/2022																					
2	1383	Ban Quản lý Giảng đường	Nguyễn Đức	Hùng	26/08/1979	V.05.02.07	3.33	01/02/2022																					
3	785	Ban Quản lý Giảng đường	Cao Thanh	Nam	16/03/1972	01.002	4.74	01/10/2022							x			x											
4	1535	Ban Quản lý Giảng đường	Tạ Thị Thu	Trang	18/02/1988	01.003	3.33	01/12/2022																					
5	786	Ban Quản lý Giảng đường	Bùi Kim	Tuyền	16/05/1966	01.003	4.65	01/10/2022																					
6	1587	Ban Quản lý Giảng đường	Hà Thị Lan	Anh	30/08/1982	01.003	3.33	01/09/2022																					
7	1563	Ban Quản lý giảng đường	Nguyễn Thị	Tươi	24/10/1984	01.003	3.00	01/12/2022																					
8	942	Ban Quản lý Ký túc xá	Trần Việt	Hà	07/08/1976	01.003	3.66	01/01/2022																					
9	1280	Ban Quản lý Ký túc xá	Đinh Hồng	Quyên	06/04/1977	06.031	3.66	01/11/2022																					
10	853	Giáo dục thể chất	Trần Quang	Chí	23/10/1980	V.07.01.02	4.40	01/09/2022							x			x									NCS TN 2/2023-01/2026		
11	356	Giáo dục thể chất	Phạm Tiến	Dũng	01/08/1966	V.07.01.02	6.44	01/10/2022					2021; 2023					x	x								BK CĐ ngành		
12	1075	Giáo dục thể chất	Nguyễn Ngọc	Thoa	16/02/1983	V.07.01.03	3.99	01/09/2022																					
13	814	Cơ khí ô tô	Nguyễn Quang	Cường	28/08/1979	V.07.01.03	4.32	01/07/2022									x			x	x								



SỐ TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
14	1409	Cơ khí ô tô	Tạ Thị Thanh	Huyền	14/10/1988	V.07.01.03	3.33	01/02/2022													x								
15	652	Cơ khí ô tô	Nguyễn Thiết	Lập	20/09/1976	V.07.01.02	4.74	01/01/2022													x								
16	1147	Công nghệ giao thông	Phạm Đức	Thành	12/09/1982	V.07.01.03	3.99	01/08/2022							x														NCS TN từ 01/07/2023-06/2027
17	683	Công nghệ giao thông	Nguyễn Đức	Văn	09/08/1978	V.07.01.03	4.32	01/07/2022																					
18	1120	Đầu máy toa xe	Tào Văn	Chiến	24/04/1982	V.07.01.03	3.99	01/06/2022							x				x			x	x						
19	1420	Máy động lực	Lê Công	Báo	10/11/1985	V.07.01.03	3.33	01/01/2022														x			x				
20	1398	Máy động lực	Nguyễn Thịn	Quỳnh	02/06/1988	V.07.01.03	3.33	01/07/2022																	x				
21	1656	Cơ điện tử	Nguyễn Thanh	Lịch	30/01/1981	V.07.01.03	3.66	05/09/2022																	x				
22	1137	Máy xây dựng	Nguyễn Ngọc	Trung	10/08/1983	V.07.01.03	3.99	01/07/2022													x	x			x				
23	126	Máy xây dựng	Nguyễn Đình	Tứ	20/07/1975	V.07.01.02	5.08	01/03/2022											x	x		x							
24	823	Thiết kế máy	Ngô Anh	Vũ	20/09/1979	V.07.01.02	4.40	01/07/2022																					
25	1665	Khoa học máy tính	Nguyễn Đình	Dương	22/10/1980	V.07.01.02	4.74	01/11/2022																					
26	896	Mạng & các HTTT	Lại Mạnh	Dũng	06/08/1981	V.07.01.03	4.32	01/07/2022						2022								x		x	x				
27	278	VPK. CNTT	Nguyễn Thị Anh	Đào	23/10/1974	01.002	5.42	01/01/2022						2023															
28	1470	Cầu hầm	Trần Ngọc	Hòa	18/02/1988	V.07.01.03	3.33	01/02/2022						2023						x			x						NCS sandwich: 1/2018 đến 12/2021; TN 10/2022. quá hạn 1 tháng

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTĐ toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTĐ cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
29	1471	Cầu hầm	Vũ Bá	Thành	08/09/1989	V.07.01.03	3.33	01/05/2022					2023					x					x						
30	747	Công trình GTCC&MT	Nguyễn Lan	Anh	06/10/1979	V.07.01.03	4.32	01/07/2022																					
31	1243	Công trình GTCC&MT	Nguyễn Hà	Linh	26/05/1980	V.07.01.03	3.99	01/03/2022																				NCS TN 01/2017-12/2020	
32	1571	Công trình GTTP&CTT	Thái Thị Kim	Chi	16/08/1986	V.07.01.03	3.66	01/12/2022					2022					x	x									Nghỉ sinh 10/2023-31/3/2024	
33	1158	Địa kỹ thuật	Nguyễn Công	Định	26/10/1983	V.07.01.03	3.66	01/10/2022																					
34	1154	Địa kỹ thuật	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1983	V.07.01.03	3.99	01/09/2022															x					NCS trong nc 7/2017 đến 6/2021	
35	745	Địa kỹ thuật	Lê Thị Hồng	Vân	30/01/1979	V.07.01.02	4.40	01/07/2022													x							Thanh lý ĐT cấp Tr mượn 2021	
36	22	Đường bộ	Nguyễn Hữu	Dũng	26/11/1975	V.07.01.02	5.76	01/03/2022																					
37	576	Đường bộ	Trần Thị Cẩm	Hà	03/07/1976	V.07.01.02	4.74	01/02/2022					2022		x			x				x		x				NCS TN 2/2016-2/2020	
38	720	Phòng Đào tạo đại học	Trần Thị Minh	Hằng	30/05/1978	01.003	4.32	01/01/2022																					
39	1496	Đường bộ	Vũ Hoàng	Khôi	04/04/1990	V.07.01.03	3.00	01/12/2022											x									NCS NN 9/2017 - 8/2021, Kh BHXH. TN 7/2022, kh HT Giảm trừ 22 tháng.	
40	739	Đường bộ	Đặng Minh	Tân	22/12/1979	V.07.01.02	4.74	01/07/2022					2020		x							x	x	x					
41	1287	Đường Ô tô và Sân bay	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	08/08/1980	V.07.01.03	4.32	01/07/2022																					
42	888	Đường Ô tô và Sân bay	Trịnh Thị	Hiếu	03/08/1981	V.07.01.03	4.32	01/06/2022													x	x							



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTĐ toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTĐ cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
43	1381	Đường Ô tô và Sân bay	Bùi Thị Mai	Hương	05/07/1987	V.07.01.03	3.33	01/01/2022																					
44	1119	Đường Ô tô và Sân bay	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/02/1982	V.07.01.03	3.99	01/06/2022													x								
45	1306	Đường sắt	Phạm Thị	Loan	01/11/1986	V.07.01.03	3.66	01/06/2022													x	x							
46	561	Kết cấu	Lê Quang	Hưng	11/04/1976	V.07.01.03	4.65	01/02/2022													x	x							
47	568	Kết cấu	Nguyễn Ngọc	Lâm	21/01/1977	V.07.01.02	4.74	01/02/2022													x	x	x		x				
48	1108	Kết cấu	Lê Quỳnh	Nga	15/07/1983	V.07.01.03	3.99	01/06/2022													x		x		x				
49	1099	Kết cấu	Nguyễn Thị	Nhung	12/11/1983	V.07.01.03	3.99	01/07/2022														x		x					
50	1188	Sức bền vật liệu	Vũ Ngọc	Linh	17/03/1984	V.07.01.03	3.99	01/07/2022													x	x			x				
51	1479	Sức bền vật liệu	Lê Thanh	Tâm	08/06/1989	V.07.01.03	3.33	01/02/2022													x	x	x						
52	1034	Sức bền vật liệu	Vũ Ngọc	Trình	28/03/1982	V.05.02.07	3.99	01/07/2022																					
53	1080	Trắc địa	Nguyễn Thùy	Linh	27/11/1980	V.07.01.03	3.99	01/01/2022								x													
54	1453	Trắc địa	Đỗ Văn	Mạnh	05/10/1987	V.07.01.03	3.33	01/01/2022						2022										x	x				
55	1271	Trắc địa	Lê Minh	Ngọc	12/02/1984	V.07.01.03	3.66	01/08/2022													x	x	x						
56	601	Trắc địa	Trần Thị	Thảo	11/05/1977	V.07.01.03	4.65	01/02/2022													x	x			x			NCS TN 12/2022-11/2025; CN 6.2024	
57	822	Tự động hoá TKCD	Bùi Công	Độ	20/01/1980	V.07.01.03	3.99	01/01/2022																				Thanh lý ĐT CT muộn 2023	
58	1264	Tự động hoá TKCD	Phan Thị Thu	Hiền	17/08/1984	V.07.01.03	3.66	01/07/2022																	x				
59	962	Tự động hoá TKCD	Trần Thế	Hiệp	20/11/1976	V.07.01.03	3.99	01/01/2022																					



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
60	659	Phòng Đào tạo Đại học	Nguyễn Thanh	Bình	12/11/1977	01.003	4.32	01/04/2022																					
61	1160	Phòng Đào tạo Đại học	Nguyễn Thùy	Dương	06/10/1981	01.003	3.99	01/02/2022																					
62	1578	Vật liệu XD	Thái Minh	Quân	25/09/1985	V.07.01.03	3.66	01/08/2022					2020		x						x	x	x	x					
63	929	Kỹ thuật điện	Trần Văn	Khôi	13/09/1981	V.07.01.02	4.40	01/06/2022													x	x	x	x					
64	1324	Kỹ thuật điện	Đặng Việt	Phúc	15/11/1984	V.07.01.03	3.66	01/10/2022					2021				x		x		x								
65	1149	Kỹ thuật điện	Nguyễn Tuấn	Phường	11/09/1982	V.07.01.03	3.99	01/08/2022																					
66	1653	Kỹ thuật điện	Nguyễn Chí	Kiên	26/12/1981	V.07.01.03	3.99	01/05/2022															x						
67	1483	Kỹ thuật điện tử	Vũ Ngọc	Quý	15/03/1989	V.05.02.07	3.33	01/02/2022								x				x									
68	156	Kỹ thuật thông tin	Vũ Hoàng	Hoa	03/03/1970	V.07.01.02	6.10	01/01/2022																					
69	1023	Kỹ thuật viễn thông	Đàm Mỹ	Hạnh	09/11/1981	V.07.01.02	4.40	01/10/2022												x			x						
70	664	Kỹ thuật viễn thông	Mai Thị Thu	Hương	15/06/1976	V.05.02.07	4.65	01/07/2022													x						Thanh lý ĐT CT muộn 2023		
71	840	Anh văn	Phạm Thị Bích	Hạnh	01/12/1980	V.07.01.02	4.40	01/08/2022									x												
72	250	Anh văn	Bùi Thúy	Hồng	03/11/1976	V.07.01.02	5.08	01/12/2022																					
73	1327	Anh văn	Lê Thị Thúy	Hồng	24/06/1987	V.07.01.03	3.66	01/11/2022												x									
74	1572	Anh văn	Vũ Thị Minh	Phương	18/11/1990	V.07.01.03	3.00	01/12/2022																					
75	594	Anh văn	Nguyễn Thị	Quyên	25/11/1977	V.07.01.02	4.74	01/05/2022																					
76	1566	Đại số XSTK	Mai Phước	Bình	03/08/1985	V.07.01.03	3.00	01/12/2022																					



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
77	1524	Đại số XSTK	Vũ Thị	Hương	17/08/1989	V.07.01.03	3.33	01/02/2022								x	x				x			x					
78	1190	Toán - Giải tích	Nguyễn Văn	Kiên	16/07/1985	V.07.01.03	3.66	01/08/2022					2023					x				x							
79	1417	Toán - Giải tích	Trịnh Thị	Trang	14/06/1989	V.07.01.03	3.33	01/02/2022												x		x							
80	1131	Hình hoạ - Vẽ KT	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/05/1981	V.07.01.03	3.99	01/07/2022					2021			x					x		x						
81	1053	Nga - Pháp	Nguyễn Phương	Lan	27/04/1973	V.07.01.03	3.99	01/01/2022																					
82	239	Nga - Pháp	Nguyễn Diệu	Thúy	20/08/1975	V.07.01.02	5.08	01/12/2022																					
83	628	Vật lý	Đoàn Thị Thúy	Phượng	27/02/1974	V.07.01.02	5.08	01/07/2022											x			x							
84	1521	Kinh tế xây dựng	Trần Minh	Ngọc	02/09/1991	V.07.01.03	3.00	01/02/2022														x							
85	1429	Cơ sở kinh tế & QL	Kiều Thị Hương	Giang	17/01/1989	V.07.01.03	3.33	01/01/2022													x	x							
86	617	Cơ sở kinh tế & QL	Đỗ Thị	Nhự	09/09/1978	V.07.01.02	4.74	01/02/2022						2022								x	x						BK CĐ ngành
87	225	QH&QLGTVT	Vũ Trọng	Tích	31/01/1962	V.07.01.01	7.28	01/10/2022						2021		x	x	x						x					
88	1319	Kế toán - kiểm toán	Phạm Thị Kim	Ngân	16/02/1987	V.07.01.03	3.66	01/07/2022														x		x	x				
89	1664	Kinh tế vận tải	Lê Thu	Thủy	13/12/1974	V.07.01.03	4.65	05/09/2022																					BN ngạch GV 09/2022; BN GV 2023
90	211	Vận tải và Kinh tế đường sắt	Nguyễn Thị Hoài	An	29/11/1971	V.07.01.02	5.42	01/06/2022											x		x	x							
91	1016	KT bưu chính VT	Nguyễn Hoàng	Mai	26/07/1982	V.07.01.03	3.99	01/06/2022														x							
92	1122	Quản trị kinh doanh	Trần Quang	Bằng	03/11/1983	V.07.01.03	3.99	01/06/2022											x		x	x							



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức năng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
93	1564	Quản trị kinh doanh	Đới Thị Huyền	Thư	10/03/1991	V.07.01.03	3.33	01/01/2022													x		x		x				
94	1424	Vận tải đường bộ và TP	Nguyễn Thị	Như	21/01/1988	V.07.01.03	3.33	01/01/2022						2023					x		x		x					NCS TN 3/2023-02/2027	
95	841	Phòng CTCT&SV	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/07/1976	01.003	4.32	01/08/2022										x											
96	796	Phòng CTCT&SV	Vũ Nguyễn Ngọc	Linh	01/11/1978	01.003	4.32	01/03/2022																					
97	956	Phòng Đào tạo Đại học	Nguyễn Thị Minh	Hiền	18/08/1982	01.003	4.32	01/11/2022										x											
98	793	Phòng Đào tạo Đại học	Phạm Thị Thanh	Tâm	02/02/1974	01.003	4.32	01/02/2022																					
99	1148	Phòng ĐMST và CGCN	Tạ Hồng	Vân	25/02/1983	01.003	3.99	01/08/2022													x								
100	698	Phòng Hành chính Tổng hợp	Nguyễn Thị Hải	Thanh	17/01/1970	01.003	3.66	01/02/2022											x										
101	579	Phòng Hành chính Tổng hợp	Đinh Xuân	Thu	16/02/1976	01.002	4.74	01/04/2022						2021				x			x	x		x	x				
102	1364	Phòng Tổ chức Cán bộ	Nguyễn Thị Minh	Thu	01/11/1988	01.003	3.33	01/03/2022																					
103	1539	Phòng Đào tạo sau Đại học	Phạm Thị Bích	Thủy	23/01/1989	01.003	3.00	01/01/2022																				Nghỉ sinh 2/2023-7/2023	
104	1559	Phòng Khảo thí và ĐBCLĐT	Nguyễn Thị Mai	Phương	24/09/1989	01.003	3.00	01/12/2022																					
105	851	Phòng Khoa học Công nghệ	Phạm Thị Ngọc	Ánh	18/01/1974	01.003	4.32	01/09/2022											x		x	x							
106	1286	Phòng Tài chính Kế toán	Hoàng Thị Thu	Hiền	13/06/1980	01.003	3.99	01/02/2022																					
107	1389	Phòng Tài chính Kế toán	Bùi Hồng	Nhung	13/10/1989	01.003	3.33	01/06/2022																				Nghỉ sinh 01/4/2024	
108	623	Phòng Tài chính Kế toán	Phạm Thị Hồng	Thoa	26/09/1973	01.003	4.32	01/05/2022																					

Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức nâng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTĐ toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTĐ cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
109	1528	Phòng Thiết bị Quản trị	Phạm Mạnh Cường	22/03/1985	01.003	3.33	01/5/2022																						
110	1277	Phòng phát triển dự án	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/11/1983	01.003	3.66	01/12/2022																						
111	1391	Phòng Thiết bị Quản trị	Đặng Nguyễn Quang Huy	28/09/1984	01.003	3.33	01/06/2022																						
112	1307	Phòng Thiết bị Quản trị	Khiều Thị Tuyết Nhung	04/01/1985	01.003	3.66	01/06/2022																						
113	1616	Phòng phát triển dự án	Bùi Văn Ngọc	27/07/1977	01.003	3.33	01/02/2022																						
114	1448	Phòng Tổ chức Cán bộ	Phạm Quốc Hương	08/10/1990	01.003	3.33	01/01/2022											x			x								
115	1554	Phòng Tổ chức Cán bộ	Nguyễn Thu Thủy	20/01/1990	01.003	3.00	01/12/2022																				CH TN 02/2023-7/2024		
116	1423	Phòng Tổ chức Cán bộ	Nguyễn Thị Bích Thủy	24/03/1976	01.002	5.08	01/11/2022						2023					x					x						
117	1440	Khoa Đào tạo quốc tế	Nguyễn Thị Thúy Hằng	10/08/1985	06.031	3.00	01/07/2022																						
118	1367	Phòng Bảo vệ	Trương Thùy Linh	12/05/1987	01.003	3.33	01/04/2022																				Nghỉ sinh 11/2022-4/2023		
119	1001	Trung tâm Đào tạo thực hành & CGCNGTVT	Trịnh Thị Tám	22/08/1973	V.05.02.07	3.99	01/07/2022																						
120	850	Trung tâm Đào tạo thực hành & CGCNGTVT	Nguyễn Đức Tiến	26/06/1980	V.05.02.07	3.99	01/01/2022																						
121	1068	Trung tâm Thông tin thư viện	Trần Thị Thu Hương	25/04/1971	V.10.02.06	3.99	01/09/2022																						
122	975	Phòng Đào tạo Đại học	Chu Thị Mai Thanh	05/03/1978	V.10.02.06	3.66	01/02/2022																						
123	966	Trung tâm Thông tin thư viện	Châu Mạnh Quang	25/11/1971	V.07.01.03	3.99	01/02/2022																						



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức nâng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC																		Ghi chú		
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTĐ toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTĐ cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)							Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021	2022	2023	2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
124	1073	Trung tâm Thông tin thư viện	Vũ Thị Hà	Vân	26/10/1982	V.10.02.06	3.99	01/10/2022									x												
125	972	VP. Khoa KTXD	Vũ Thị Hải	Yến	01/08/1979	01.003	3.99	01/03/2022																					
126	900	Trung tâm Ứng dụng CNTT	Nguyễn Huy	Cửu	10/07/1980	V.05.02.07	4.32	01/07/2022							x		x												
127	1421	Trung tâm Ứng dụng CNTT	Nguyễn Anh	Tuấn	30/09/1983	V.05.02.07	3.33	01/01/2022							x														
128	1466	Kết cấu xây dựng	Nguyễn Huy	Cường	21/02/1987	V.07.01.03	3.66	01/02/2022					2020		x	x	x		x			x							
129	1441	Kết cấu xây dựng	Lê Đăng	Dũng	12/03/1988	V.07.01.03	3.33	01/02/2022					2023							x	x		x	x					
130	14	Kết cấu xây dựng	Ngô Đăng	Quang	19/09/1964	V.07.01.01	7.28	01/10/2022								x	x	x	x		x								
131	622	Kỹ thuật hạ tầng đô thị	Bùi Trọng	Cầu	11/06/1962	V.07.01.01	7.28	01/10/2022												x	x								
132	789	Vật liệu xây dựng	Đặng Thủy	Chi	15/01/1978	V.07.01.02	5.08	01/11/2022					2023 2024					x			x		x				BK CĐ ngành 2024		
133	1432	Vật liệu xây dựng	Lê Minh	Cường	12/12/1984	V.07.01.03	3.99	01/02/2022												x	x								
134	1326	Vật liệu xây dựng	Lê Thu	Trang	04/12/1986	V.07.01.03	3.66	01/11/2022								x				x			x						
135	1477	Kỹ thuật ATGT	Nguyễn Chí	Trung	10/04/1989	V.07.01.03	3.33	01/02/2022														x							
136	1351	Kỹ thuật ATGT	Nguyễn Thị	Yến	08/02/1984	V.07.01.03	3.66	01/05/2022								x	x					x							
137	1428	Kỹ thuật môi trường	Đoàn Danh	Cường	27/03/1988	V.07.01.03	3.33	01/01/2022									x			x	x								
138	1562	Kỹ thuật môi trường	Vũ Văn	Khoát	26/10/1980	V.07.01.03	3.33	01/12/2022													x						NCS TN 12/2019-11/2022		
139	914	Kỹ thuật môi trường	Thân Thị Hải	Yến	27/08/1979	V.07.01.02	4.74	01/02/2022													x		x						



Số TT	Mã NV	ĐƠN VỊ	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	MÃ NGẠCH	HSL hiện giữ	Mức nâng lương hiện giữ	DANH HIỆU THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC															Ghi chú					
									Giải thưởng HCM, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại	Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương các loại	CSTD toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng	CSTD cấp Bộ	BK cấp Bộ, Ngành, Tỉnh, Đoàn thể Trung ương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (Đang xét)	Chiến sỹ thi đua cơ sở						Đạt thành tích đặc biệt khác (được tặng Giấy khen Hiệu trưởng)						Được bổ nhiệm chức danh GS, PGS	BVTS thành công và đúng hạn	
															2019	2020	2021	2022	2023	2024	2019	2020	2021		2022	2023			2024
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
140	759	QH&QLGTVT	Trần Thị	Thảo	16/12/1979	V.07.01.02	4.40	01/08/2022															X						
141	988	VP. Khoa VT - KT	Trần Thu	Trang	06/04/1979	01.003	3.99	01/09/2022																					
142	1018	Ban Quản lý Ký túc xá	Cù Văn	Chiến	03/09/1966	01.011	2.94	01/02/2023																					
143	1115	Ban Quản lý Ký túc xá	Trần Văn	Khải	18/06/1966	01.011	2.94	01/06/2023																					
144	1151	Phòng Bảo vệ	Nguyễn Văn	Bình	06/06/1976	01.011	2.94	01/12/2023																					
145	1642	Phòng Bảo vệ	Lê Viết	Trung	27/07/1967	01.011	3.12	01/10/2023																					
146	1434	Phòng Hành chính Tổng hợp	Nguyễn Trạc	Kiên	14/02/1977	01.010	3.85	01/12/2023																					
147	1619	Phòng Hành chính Tổng hợp	Phùng Viết	Dương	02/08/1982	01.010	3.13	01/12/2023																					
148	1464	Phòng Thiết bị Quản trị	Lê Duy	Bình	01/08/1991	01.007	2.37	01/04/2023																					
149	1463	Phòng Thiết bị Quản trị	Nguyễn Việt	Hưng	27/10/1988	01.007	2.37	01/04/2023																					
150	1654	Trạm Y tế	Nguyễn Thị Thu	Hoài	10/02/1994	V.08.03.07	2.06	01/09/2023																					
151	1509	Xưởng in	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	07/11/1984	01.004	3.06	01/11/2023																					
152	1397	Xưởng in	Nguyễn Thị	Loan	30/06/1984	01.004	2.86	01/01/2023																					
153	725	Xưởng in	Nguyễn Hữu	Tuấn	22/01/1981	01.007	3.45	01/03/2023																					
154	756	Xưởng in	Triệu Thị	Việt	20/02/1975	01.004	3.66	01/10/2023																					
155	1601	Xưởng in	Nguyễn Đình	Phong	25/12/1985	01.007	2.19	01/09/2023																					

Danh sách có 155 người./

* Ghi chú: Thành tích của viên chức và người lao động ghi năm đạt được ở những cột chưa ghi năm hoặc được đánh dấu bằng dấu (x) ở những cột đã có ghi năm.

